

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty thành viên của JPA International

Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 63/5 Trần Quốc Toàn, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN
THỪA THIÊN HUẾ**

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	07 - 08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11 – 31

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Khoáng sản Thừa Thiên Huế được thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH Nhà nước MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế từ ngày 18/11/2019. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300100963 ngày 28 tháng 11 năm 2005. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 04 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/11/2019.

Vốn điều lệ: 113.386.480.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 31/12/2021: 113.386.480.000 đồng

2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Điện thoại : 0234 3523695
- Fax : 0234 3527926
- Email : humexco@dng.vn

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác quặng Titan (ilmenite, zircon, monazite, rutile); khai thác các chất phụ gia cho vật liệu công nghiệp;
- Chế biến quặng Titan (ilmenite, zircon, monazite, rutile, xỉ titan); chế biến phụ gia cho vật liệu công nghiệp;
- Khai thác quặng sắt;
- Chế biến sắt, sắt hợp kim;
- Bán buôn quặng Titan (ilmenite, zircon, monazite, rutile, xỉ titan); bán buôn sắt thép, sắt hợp kim;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Casting và hoàn thiện đá;
- Bán buôn các loại đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn thiết bị vật tư sản xuất công nghiệp;
- Bán buôn hàng tiêu dùng cho gia đình;
- Thăm dò quặng theo phương pháp thông lệ và lấy mẫu quặng, quan sát địa chất tại nơi thăm dò; dịch vụ phân tích và thử nghiệm (VILAS 286);
- Bán buôn các chất phụ gia cho vật liệu công nghiệp.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lương Vĩnh Thái	Chủ tịch	26/10/2019
Ông Võ Quang Thiện	Thành viên	26/10/2019
Ông Võ Quang Diệu	Thành viên	26/10/2019

4.2. Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Phùng Hương Giang	Trưởng ban	26/10/2019
Ông Võ Trọng Anh Kiệt	Thành viên	26/10/2019
Bà Lê Thị Bích Trâm	Thành viên	26/10/2019

4.3. Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Võ Quang Thiện	Giám đốc	19/11/2019
Ông Võ Quang Diệu	Phó Giám đốc	19/11/2019
Bà Lê Thị Thu Hiền	Phó Giám đốc	19/11/2019
Bà Trần Thị Phương Dung	Kế toán trưởng	19/11/2019

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lương Vĩnh Thái	Chủ tịch HĐQT

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Thừa Thiên Huế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 31.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc niên độ cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị



LƯƠNG VĨNH THÁI

Chủ tịch HĐQT

Thừa Thiên Huế, ngày 29 tháng 03 năm 2022



Số: 18/2022/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2022, từ trang 07 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Như đã nêu tại Mục I.5 của Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo, Công ty đã chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 18/11/2019. Tuy nhiên, đến nay, Công ty vẫn chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán vốn giai đoạn Nhà nước để chính thức chuyển sang công ty cổ phần theo quy định. Do đó, kiểm toán viên chưa có cơ sở để đưa ra ý kiến về tính đúng đắn của các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính năm 2021 kèm theo.
- Công ty chưa thực hiện trích khấu hao một số tài sản cố định tại các xưởng chế biến xỉ titan do ngừng sản xuất kinh doanh từ khi chính thức cổ phần hóa đến nay (ngày 18/11/2019). Giá trị hao

mòn cần phải trích trong năm 2021 là 3.815.156.814 đồng, giá trị hao mòn lũy kế cần phải trích từ khi chính thức chuyển sang công ty cổ phần (ngày 18/11/2019) đến ngày 31/12/2021 là 9.089.266.118 đồng. Việc không thực hiện trích khấu hao trên là chưa phù hợp với Chế độ kế toán và các quy định pháp lý hiện hành.

3. Như trình bày tại mục V.10, Thuyết minh báo cáo tài chính, Chi phí cấp quyền khai thác mỏ đá Ba Trại Hương Bình năm 2018-2019 số tiền là 956.149.349 đồng, Công ty không kết chuyển vào kết quả kinh doanh các kỳ trước mà đang theo dõi trên khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” và phân bổ vào chi phí năm 2021 số tiền: 136.592.764 đồng là chưa đúng kỳ kế toán. Theo đó, nếu phản ánh đúng quy định thì chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán sẽ giảm đi tương ứng, chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2021 sẽ là lãi 1.692.061.356 đồng thay vì lãi 1.574.591.579 đồng như báo cáo tài chính đính kèm, đồng thời số liệu của các chỉ tiêu liên quan khác cũng sẽ thay đổi tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Thừa Thiên Huế tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng- **VIETVALUES**



Trần Xuân Thạnh - P.Giám đốc Chi nhánh
Giấy CNDKHN số: 1650-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Huyền Minh Hưng - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số: 3402-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm (ngày 31/12/2021)	Số đầu năm (ngày 01/01/2021)
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		89.481.458.617	97.946.042.330
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	13.560.839.816	12.880.007.787
111	1. Tiền		13.560.839.816	12.880.007.787
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		8.329.345.663	8.226.891.337
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	86.086.600	306.086.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	498.020.500	245.655.440
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4a	7.745.238.563	7.675.149.897
140	IV. Hàng tồn kho	V.5	41.662.963.927	46.159.802.095
141	1. Hàng tồn kho		41.662.963.927	46.159.802.095
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		25.928.309.211	30.679.341.111
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		25.807.698.105	30.301.781.355
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.6	120.611.106	377.559.756
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		96.174.466.274	95.490.880.374
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		10.744.401.640	9.828.570.300
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.4b	10.744.401.640	9.828.570.300
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	II. Tài sản cố định		75.089.323.126	74.305.082.415
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	72.113.582.817	71.329.342.106
222	- Nguyên giá		186.288.173.184	189.692.533.640
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(114.174.590.367)	(118.363.191.534)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.8	2.975.740.309	2.975.740.309
228	- Nguyên giá		8.675.785.909	8.675.785.909
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.700.045.600)	(5.700.045.600)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		533.004.328	243.088.356
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.9	533.004.328	243.088.356
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		9.807.737.180	11.114.139.303
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.10	9.807.737.180	11.114.139.303
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		185.655.924.891	193.436.922.704

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: 53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

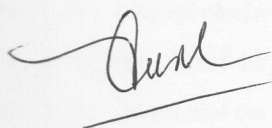
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

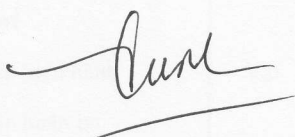
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm (ngày 31/12/2021)	Số đầu năm (ngày 01/01/2021)
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		75.451.330.251	84.516.494.497
310	I. Nợ ngắn hạn		75.451.330.251	84.516.494.497
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11	431.602.370	434.601.600
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.12	1.340.962.800	610.000.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.6	1.833.481.384	1.690.575.205
314	4. Phải trả người lao động	V.13	2.363.335.755	1.046.222.554
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.14	69.398.117.613	79.416.009.953
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.15	83.830.329	1.319.085.185
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		110.204.594.640	108.920.428.207
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.16	110.204.594.640	108.920.428.207
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		113.386.480.000	113.386.480.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		113.386.480.000	113.386.480.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(3.181.885.360)	(4.466.051.793)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		2.486.367.693	(4.710.906.061)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(5.668.253.053)	244.854.268
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		185.655.924.891	193.436.922.704

Người lập biểu

Kế toán trưởng



TRẦN THỊ PHƯƠNG DUNG



TRẦN THỊ PHƯƠNG DUNG

Thành phố Huế ngày 29 tháng 03 năm 2022



Chủ tịch Hội đồng quản trị

LUƠNG VĨNH THÁI

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

DVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	64.809.960.194	56.343.363.668
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		64.809.960.194	56.343.363.668
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	59.862.271.831	51.652.078.367
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.947.688.363	4.691.285.301
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	34.063.143	42.003.056
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	3.564	26.172
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	2.114.283.834	2.153.889.925
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	3.342.350.238	2.040.672.923
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(474.886.130)	538.699.337
31	11. Thu nhập khác	VI.7	2.310.233.636	20.909.095
32	12. Chi phí khác	VI.8	3.807.277	236.408.984
40	13. Lợi nhuận khác		2.306.426.359	(215.499.889)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.831.540.229	323.199.448
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.6	256.948.650	78.345.180
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.574.591.579	244.854.268
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	131	22
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	131	22

Người lập biểu

TRẦN THỊ PHƯƠNG DUNG

Kế toán trưởng

TRẦN THỊ PHƯƠNG DUNG



Thành phố Huế, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Chức vụ: Tổng quản trị

KHOÁNG SẢN
THỪA THIÊN HUẾ

TỔNG VINH THÁI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

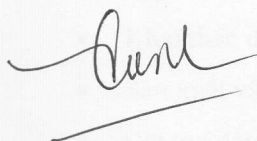
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

DVT: VND

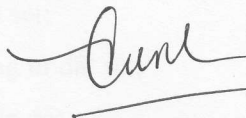
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		72.241.919.700	62.787.700.100
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(27.244.934.718)	(24.557.696.520)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(12.993.430.940)	(10.670.242.658)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		-	-
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		821.800.000	990.032.775
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(32.554.837.764)	(39.671.905.587)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		270.516.278	(11.122.111.890)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.965.079.608)	(1.580.442.902)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		2.544.629.818	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		34.063.143	41.997.880
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		613.613.353	(1.538.445.022)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(203.297.602)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(203.297.602)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		680.832.029	(12.660.556.912)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		12.880.007.787	25.540.582.998
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(18.299)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	13.560.839.816	12.880.007.787

Người lập biểu

Kế toán trưởng



TRẦN THỊ PHƯƠNG DUNG



TRẦN THỊ PHƯƠNG DUNG



Thừa Thiên Huế, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng quản trị

HUY CÔNG VINH THÁI

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Thừa Thiên Huế, sau đây gọi tắt là “Công ty” được thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH Nhà nước MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế từ ngày 18/11/2019. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300100963 ngày 28 tháng 11 năm 2005. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 04 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/11/2019.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là khai thác, chế biến khoáng sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác quặng Titan (ilmenite, zircon, monazite, rutile); khai thác các chất phụ gia cho vật liệu công nghiệp;
- Chế biến quặng Titan (ilmenite, zircon, monazite, rutile, xỉ titan); chế biến phụ gia cho vật liệu công nghiệp;
- Khai thác quặng sắt;
- Chế biến sắt, sắt hợp kim;
- Bán buôn quặng Titan (ilmenite, zircon, monazite, rutile, xỉ titan); bán buôn sắt thép, sắt hợp kim;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Casting tạo dáng và hoàn thiện đá;
- Bán buôn các loại đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn thiết bị vật tư sản xuất công nghiệp;
- Bán buôn hàng tiêu dùng cho gia đình;
- Thăm dò quặng theo phương pháp thông lệ và lấy mẫu quặng, quan sát địa chất tại nơi thăm dò; dịch vụ phân tích và thử nghiệm (VILAS 286);
- Bán buôn các chất phụ gia cho vật liệu công nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Công ty thường kéo dài không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty đã chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 18/11/2019, tuy nhiên đến thời điểm ngày 31/12/2021, Công ty chưa thực hiện quyết toán vốn giai đoạn Nhà nước theo quy định, vì vậy số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 có thể bị ảnh hưởng tùy thuộc vào việc quyết toán này.

Ngoài ra, không có sự kiện về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty không có khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết.

7. Nhân viên

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có 171 nhân viên đang làm việc (tại ngày 01/01/2021 là 171 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty là các chi phí trả trước khác, căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Kỳ này</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	7 – 14
Máy móc và thiết bị	4 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7 – 8
Thiết bị dụng cụ quản lý	7 – 8

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu. Các khoản góp vốn của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không là doanh thu.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm và chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

13. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

14. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt tại quỹ	246.546.293	117.317.386
- Tiền gửi ngân hàng	13.314.293.523	12.762.690.401
+ VND	13.312.388.412	12.760.482.746
+ USD	83,12 # 1.905.111	96,32 # 2.207.655
Cộng	13.560.839.816	12.880.007.787

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	86.086.600	306.086.000
- Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Tiến Đạt Thành	71.660.000	291.660.000
- Các đối tượng khác	14.426.600	14.426.000
Cộng	86.086.600	306.086.000

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	498.020.500	245.655.440
- Viện Khoa Học Và Công Nghệ Mô - Luyện Kim	220.000.000	220.000.000
- Công Ty CP TV Triển Khai Công Nghệ Mô - Địa Chất	200.000.000	-
- Công ty TNHH Một Thành Viên Tư Vấn Và Dịch Vụ Nông Lâm Nghiệp Minh Toàn	78.000.000	-
- Các đối tượng khác	20.500	25.655.440
Cộng	498.020.500	245.655.440

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Phải thu khác**a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	7.745.238.563	-	7.675.149.897	-
- Phải thu nhân viên về BHXH	80.439.932	-	76.601.266	-
- Phải thu về cổ phần hóa	97.891.140	-	97.891.140	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	66.250.000	-	-	-
- Phải thu về phạt vi phạm hành chính, chậm nộp và truy thu thuế tài nguyên (*)	7.500.657.491	-	7.500.657.491	-
Cộng	7.745.238.563	-	7.675.149.897	-

(*) Theo Quyết định số 7605/QĐ-CT ngày 22/12/2020 của Cục thuế tỉnh Thừa Thiên Huế, Công ty bị truy thuế tài nguyên số tiền 4.633.598.322 đồng, phạt vi phạm hành chính số tiền 926.719.665 đồng, phạt chậm nộp số tiền 1.940.339.504 đồng trong giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2017 (giai đoạn Nhà nước trước cổ phần hóa). Công ty đã nộp đủ số tiền này vào Kho bạc Nhà nước, tuy nhiên do chưa thống nhất với phương pháp tính thuế theo thanh tra, Công ty đang treo lại ở chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn khác trên Bảng cân đối kế toán với tổng số tiền 7.500.657.491 đồng. Tính đúng đắn của khoản mục trên và sẽ điều chỉnh tùy thuộc vào quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và chờ quyết toán vốn giai đoạn Nhà nước của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	10.744.401.640	-	9.828.570.300	-
- Ký quỹ khắc phục môi trường (*)	10.647.655.640	-	9.731.824.300	-
- Ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án (*)	96.746.000	-	96.746.000	-
Cộng	10.744.401.640	-	9.828.570.300	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Chi tiết cầm cố, ký quỹ, ký cược tại ngày 31/12/2021 gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ khắc phục môi trường	10.647.655.640	9.731.824.300
Mỏ xã Phong Hải (49 ha)	599.500.000	599.500.000
Mỏ xã Điền Hải (60 ha)	450.000.000	450.000.000
Mỏ xã Quảng Lợi (87 ha)	1.670.822.000	1.670.822.000
Mỏ xã Phương Diên, Vinh Xuân (90 ha)	408.844.640	358.525.300
Mỏ Hương Thọ (10 ha)	321.425.000	295.528.000
Mỏ Hương Bình (5 ha)	422.979.000	384.731.000
Mỏ Quảng Công, Quảng Ngạn (288 ha)	5.008.343.000	4.206.976.000
Mỏ Phong Hải, Điền Hải - Điền Hòa (86 ha)	1.765.742.000	1.765.742.000
Ký quỹ thực hiện dự án Mỏ Quảng Công, Quảng Ngạn	96.746.000	96.746.000
Cộng	10.744.401.640	9.828.570.300

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	24.573.741.723	-	25.168.576.399	-
Công cụ, dụng cụ	96.540.000	-	96.540.000	-
Chi phí SXKD dở dang	14.976.167.799	-	16.312.452.278	-
Thành phẩm	2.016.514.405	-	4.582.233.418	-
Cộng	41.662.963.927	-	46.159.802.095	-

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất, không có khả năng tiêu thụ.
- Không có hàng tồn kho dùng thế chấp, cầm cố để bảo đảm các khoản vay và nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	377.323.536	256.948.650	-	-	120.374.886
Thuế thu nhập cá nhân	-	236.220	-	-	-	236.220
Thuế tài nguyên	1.355.706.005	-	10.243.758.636	10.098.754.617	1.500.710.024	-
Tiền thuê đất	-	-	858.896.804	858.896.804	-	-
Phí bảo vệ môi trường	334.869.200	-	1.717.018.160	1.719.116.000	332.771.360	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.040.540.671	3.040.540.671	-	-
Cộng	1.690.575.205	377.559.756	16.117.162.921	15.717.308.092	1.833.481.384	120.611.106

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với đá xây dựng và khoáng sản titan là 10%. Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 theo quy định tại nghị định 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021.

Các loại Thuế khác và Lệ phí

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.831.540.229	323.199.448
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	3.807.277	236.408.984
Điều chỉnh tăng	3.807.277	236.408.984
- Phạt vi phạm hành chính về thuế	3.807.277	213.823.703
- Các khoản chi phí không được trừ khác	-	22.585.281
Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	1.835.347.506	559.608.432
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	367.069.501	111.921.686
Thuế TNDN được giảm	110.120.851	33.576.506
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	256.948.650	78.345.180
	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	256.948.650	78.345.180

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	59.174.728.614	124.052.329.894	4.705.234.055	1.760.241.077	189.692.533.640
Mua sắm trong kỳ	-	-	1.562.981.818	-	1.562.981.818
Thanh lý, nhượng bán	1.004.907.853	3.543.461.521	418.972.900	-	4.967.342.274
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số cuối năm	58.169.820.761	120.508.868.373	5.849.242.973	1.760.241.077	186.288.173.184
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	27.728.497.861	85.202.054.072	3.790.455.911	1.642.183.690	118.363.191.534
Khấu hao trong năm	5.875.735	466.565.160	306.300.212	-	778.741.107
T/ly, nhượng bán	1.004.907.853	3.543.461.521	418.972.900	-	4.967.342.274
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số cuối năm	26.729.465.743	82.125.157.711	3.677.783.223	1.642.183.690	114.174.590.367
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	31.446.230.753	38.850.275.822	914.778.144	118.057.387	71.329.342.106
Số cuối năm	31.440.355.018	38.383.710.662	2.171.459.750	118.057.387	72.113.582.817

- Công ty không có TSCĐ hữu hình dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản vay.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 64.617.272.362 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình hư hỏng, không sử dụng được chờ thanh lý bán tại ngày 31/12/2021 là 3.091.451.992 đồng, chi tiết:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định	Mã TS	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại tại 31/12/2021
Máy móc, thiết bị	L02	2.764.454.728	2.764.454.728	-
Xe xúc lật komatsu 530	44	349.285.714	349.285.714	-
Xe ủi Komatsu D 21	49	134.286.000	134.286.000	-
Xe ủi bánh xích komatsu D50P-15	57	199.398.190	199.398.190	-
Xe xúc lật XCMG - China	62	363.809.523	363.809.523	-
Băng tải bốc quặng	71	60.730.000	60.730.000	-
Xe xúc lật Furukawa	134	138.159.000	138.159.000	-
Xe xúc lật Komatsu JH65CV-2	135	248.810.000	248.810.000	-
Xe xúc đào Sumitomo-S280F2	142	377.619.048	377.619.048	-
Xe ủi bánh xích Komatsu D50p-16	147	200.661.904	200.661.904	-
Xe xúc lật Komatsu 515-2	174	213.657.143	213.657.143	-
Xe xúc lật Liugong Trung Quốc - chiếc thứ 3	182	365.714.571	365.714.571	-
Máy đào bánh xích Yamar YB 1514	261	112.323.635	112.323.635	-
Phương tiện vận tải	L03	241.505.000	241.505.000	-
Xe tải Hyundai	170	241.505.000	241.505.000	-
Phương tiện vận tải	L03	85.492.264	85.492.264	-
Máy photo hiệu ricoh	161	46.816.364	46.816.364	-
Máy điều hoà nhà ăn ca	186	38.675.900	38.675.900	-
Tổng cộng		3.091.451.992	3.091.451.992	-

8. Tài sản cố định vô hình

	Công nghệ sản xuất	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	939.240.000	7.736.545.909	8.675.785.909
Tăng trong năm	-	-	-
Số cuối năm	939.240.000	7.736.545.909	8.675.785.909
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	939.240.000	4.760.805.600	5.700.045.600
Khấu hao trong năm	-	-	-
Số cuối năm	939.240.000	4.760.805.600	5.700.045.600
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	2.975.740.309	2.975.740.309
Số cuối năm	-	2.975.740.309	2.975.740.309

- Một số chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng,.... phát sinh tại nhà máy xi titan Công ty không trích khấu hao tài sản cố định do ngừng sản xuất kinh doanh, giá trị hao mòn cần phải trích trong năm 2021 là 34.027.208 đồng, giá trị hao mòn lũy kế cần phải trích từ ngày 18/11/2019 (chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31/12/2021 là 72.118.777 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 939.240.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	316.363.636	316.363.636	-
- Mua sắm xe tải ben	-	316.363.636	316.363.636	-
- Mua sắm xe Toyota Fortuner		1.246.618.182	1.246.618.182	-
Xây dựng cơ bản dở dang	243.088.356	289.915.972	-	533.004.328
- Hệ thống 06 băng tải dây chuyền sản xuất đá	243.088.356	289.915.972	-	533.004.328
Cộng	243.088.356	606.279.608	316.363.636	533.004.328

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí đầu tư ban đầu mỏ Quảng Công, Quảng Ngạn	8.689.187.697	9.930.500.225
- Chi phí cấp quyền khai thác mỏ đá Ba Trại Hương Bình năm 2018, 2019	682.963.821	819.556.585
- Chi phí san ủi bóc đất phủ mỏ đá Hương Thọ	242.721.662	364.082.493
- Chi phí rà phá bom mìn mỏ Quảng Công, Quảng Ngạn	192.864.000	-
Cộng	9.807.737.180	11.114.139.303

Chi phí san ủi bóc đất phủ má đá Hương Thọ không hình thành tài sản cố định, Công ty theo dõi ở mục Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ theo thời gian của giấy phép khai thác mỏ.

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu kỳ	11.114.139.303	12.613.405.426
Tăng trong kỳ	241.080.000	-
Phân bổ trong kỳ	1.547.482.123	1.499.266.123
Số dư cuối kỳ	9.807.737.180	11.114.139.303

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	431.602.370	434.601.600
- Ông Nguyễn Hùng	176.061.000	229.965.000
- Công ty Xăng Dầu Thừa Thiên Huế	186.289.770	117.600.600
- Trung Tâm Quan Trắc Tài Nguyên Và Môi Trường	-	45.358.000
- Các đối tượng phải trả khác	69.251.600	41.678.000
Cộng	<u>431.602.370</u>	<u>434.601.600</u>

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	1.340.962.800	610.000.000
- Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Quảng Trị	1.328.000.000	610.000.000
- Các đối tượng khác	12.962.800	-
Cộng	<u>1.340.962.800</u>	<u>610.000.000</u>

13. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	2.363.335.755	1.046.222.554
Tiền thưởng phải trả	-	-
Cộng	<u>2.363.335.755</u>	<u>1.046.222.554</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đối tượng và cá nhân khác</i>	69.398.117.613	79.416.009.953
- Kinh phí công đoàn	213.457	18.105.797
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (*)	69.397.904.156	79.397.904.156
Cộng	69.398.117.613	79.416.009.953

(*) Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty còn nợ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp số tiền: 69.397.904.156 đồng. Hiện nay, do chưa có thông báo về việc thu hồi nợ gốc và lãi nên Công ty chưa phản ánh số tiền lãi chậm trả vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Theo đó, số dư phải trả Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp có thể thay đổi khi có văn bản thu hồi nợ gốc và lãi suất chính thức của Nhà nước cũng như quyết toán vốn giai đoạn Nhà nước.

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.230.682.409		1.212.500.000	18.182.409
Quỹ phúc lợi	88.402.776	87.127.544	109.882.400	65.647.920
Cộng	1.319.085.185	87.127.544	1.322.382.400	83.830.329

16. Vốn chủ sở hữu**16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2020	113.386.480.000	(4.710.906.061)	108.675.573.939
Lợi nhuận trong năm	-	244.854.268	244.854.268
Số dư tại 31/12/2020	113.386.480.000	(4.466.051.793)	108.920.428.207
Số dư tại 01/01/2021	113.386.480.000	(4.466.051.793)	108.920.428.207
Lợi nhuận trong năm	-	1.574.591.579	1.574.591.579
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(87.127.544)	(87.127.544)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	(203.297.602)	(203.297.602)
Số dư tại 31/12/2021	113.386.480.000	(3.181.885.360)	110.204.594.640

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ủy Ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế	98,79%	112.015.480.000	112.015.480.000
Các cổ đông khác	1,21%	1.371.000.000	1.371.000.000
Cộng	100%	113.386.480.000	113.386.480.000

16c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	113.386.480.000	113.386.480.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	113.386.480.000	113.386.480.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	203.297.602	-

16d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.338.648	11.338.648
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.338.648	11.338.648
- Cổ phiếu thường	11.338.648	11.338.648
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.338.648	11.338.648
- Cổ phiếu thường	11.338.648	11.338.648
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	(4.466.051.793)	(4.710.906.061)
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm này	1.574.591.579	244.854.268
Phân phối lợi nhuận	(290.425.146)	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	(87.127.544)	-
- Chia cổ tức	(203.297.602)	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(3.181.885.360)	(4.466.051.793)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	64.809.960.194	56.343.363.668
Doanh thu bán thành phẩm titan, quặng titan	64.503.597.689	56.343.363.668
Doanh thu bán thanh lý nguyên vật liệu tồn kho	306.362.505	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Cộng	64.809.960.194	56.343.363.668

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm titan, quặng titan	59.221.990.155	51.652.078.367
Giá vốn thanh lý nguyên vật liệu tồn kho	640.281.676	-
Cộng	59.862.271.831	51.652.078.367

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	34.063.143	41.997.880
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	-	5.176
Cộng	<u>34.063.143</u>	<u>42.003.056</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	3.564	7.873
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	18.299
Cộng	<u>3.564</u>	<u>26.172</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.044.603.365	2.130.429.926
Chi phí khác bằng tiền	69.680.469	23.459.999
Cộng	<u>2.114.283.834</u>	<u>2.153.889.925</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	2.390.073.186	1.437.093.593
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.875.735	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.496.926	22.677.273
Chi phí bằng tiền khác	922.904.391	580.902.057
Cộng	<u>3.342.350.238</u>	<u>2.040.672.923</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	2.310.233.636	-
Chi phí đấu thầu chuyển đổi cổ phần hóa được trả lại	-	20.909.091
Các khoản thu nhập khác	-	4
Cộng	2.310.233.636	20.909.095

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt vi phạm hành chính, truy thu thuế, tiền chậm nộp thuế	3.807.277	213.823.703
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	-	22.585.281
Cộng	3.807.277	236.408.984

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.574.591.579	244.854.268
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(87.127.544)	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	(87.127.544)	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(87.127.544)	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	1.487.464.035	244.854.268
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	11.338.648	11.338.648
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)	131	22

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	11.338.648	11.338.648
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	11.338.648	11.338.648

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.487.464.035	244.854.268
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.487.464.035	244.854.268
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	11.338.648	11.338.648
	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	131	22

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.268.011.206	17.913.873.039
Chi phí nhân công	17.828.172.333	14.891.456.044
Chi phí khấu hao tài sản cố định	778.741.107	980.129.496
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.204.452.563	2.203.885.575
Chi phí khác bằng tiền	19.337.525.202	17.416.502.495
Cộng	61.416.902.411	53.405.846.649

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Báo cáo bộ phận**

- *Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là khai thác, chế biến khoáng sản.

- *Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty chủ yếu được thực hiện tại Việt Nam.

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

3. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

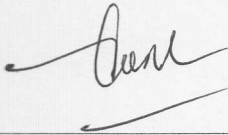
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ngày 22/02/2022, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội có thông báo số 206/SGDHN-QLNY về việc cổ phiếu của Công ty rơi vào diện hủy đăng ký giao dịch. Theo danh sách công ty đại chúng đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước công bố và văn bản số 667/UBCK-GSDC ngày 14/02/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc cung cấp thông tin đăng ký công ty đại chúng, Công ty chưa được xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng, thuộc trường hợp bị hủy đăng ký giao dịch bắt buộc theo quy định tại khoản 8, Điều 310, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. Dự kiến cuối tháng 3/2022, cổ phiếu của Công ty sẽ không còn được giao dịch trên sàn UPCoM.

Thừa Thiên Huế, ngày 29 tháng 03 năm 2022



TRẦN THỊ PHƯƠNG DUNG
Người lập biểu



TRẦN THỊ PHƯƠNG DUNG
Kế toán trưởng



LƯƠNG VĂN THÁI
Chủ tịch hội đồng quản trị

